

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên
2. Ông Nguyễn Văn Trò

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai V án dân sự thụ lý số 185/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa V án ra xét xử số 58/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị V**- sinh năm 1984; nơi cư trú: Xóm K, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh H**- sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu 02, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 và trong quá trình giải quyết V án, nguyên đơn là chị Trần Thị V trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 13/3/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà mẹ đẻ anh H tại khu 02, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ một thời gian ngắn, rồi vợ chồng cùng nhau vào tỉnh Bình Dương làm thuê. Đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng

chuyển về ở cùng nhà mẹ đẻ anh H tại khu 02, xã H sinh sống. Đầu năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H ham chơi, thường xuyên uống rượu và không quan tâm tới gia đình, vợ con, dẫn tới vợ chồng thường xảy ra nói cãi nhau. Từ khoảng tháng 10/2015 đến nay, chị V cùng con chung là Trần Thùy D về ở cùng nhà bố mẹ đẻ chị V tại Xóm K, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị V trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hương G- sinh ngày 30/8/2006, Trần Thùy D sinh ngày 03/01/2014. Hiện nay cháu G đang ở với anh H và mẹ đẻ anh H tại khu 02, xã H, huyện C, còn cháu D đang ở với chị V và bố mẹ đẻ chị V tại X, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nếu ly hôn, chị V đề nghị giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; nghĩa V chung về tài sản; công sức: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, phối hợp với chính quyền địa phương nơi anh Nguyễn Văn H cư trú để trực tiếp gặp làm việc, nhưng anh H cố tình lẩn tránh. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh H cư trú, nhưng anh H vẫn không hợp tác và không có mặt, nên Tòa án không thu thập được quan điểm của anh Nguyễn Minh H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thùy D- sinh ngày 03/01/2014 và đồng ý để anh Nguyễn Minh H nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hương G- sinh ngày 30/8/2006, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết V án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý V án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt trong quá trình giải quyết, xét xử mà không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết V án.

- Về giải quyết V án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường V quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V được ly hôn anh Nguyễn Minh H.
2. Về con chung: Giao con chung là Trần Thùy D- sinh ngày 03/01/2014 cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Thị Hương G sinh ngày 30/8/2006 cho anh Nguyễn Minh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì không ai yêu cầu.
3. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ V án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả Hỏi tại phiên toà trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị V và anh Nguyễn Minh H bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Chứng cứ thu thập được và lời trình bày của nguyên đơn cho thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng đầu năm 2014. Nguyên nhân là do anh H không quan tâm đến gia đình vợ, con nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ khoảng tháng 10/2015 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị V yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. Về con chung: Con chung là Nguyễn Thị Hương G đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng ở với anh H và kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Giang đã ở với anh H, còn cháu D ở với chị V. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, cần giao con chung là Trần Thùy D cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Nguyễn Thị Hương G cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì các đương sự không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa V chung về tài sản; công sức: Do nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V được ly hôn anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Trần Thùy D- sinh ngày 03/01/2014 cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Thị Hương G- sinh ngày 30/8/2006 cho anh Nguyễn Minh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì các đương sự không yêu cầu.

2.2. Chị Trần Thị V, anh Nguyễn Minh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003290 ngày 28/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- THADS Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thắng